

Số: 2512/BTC-HCSN

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2018

V/v kinh phí mua vắc xin và
hỗ trợ chăm sóc, bảo vệ rừng
trong CTMTQG Giảm nghèo
bền vững giai đoạn 2016- 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại công văn số 805/VPCP-KTTH ngày 22/01/2018 của Văn phòng Chính phủ; căn cứ ý kiến của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư (công văn số 10629/BKHĐT-KTĐPLT ngày 29/12/2017), Lao động- Thương binh và Xã hội (công văn số 4892/LĐTBXH-VPQGGN ngày 23/11/2017) và Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (công văn số 9201/BNN-KTHT ngày 02/11/2017), Bộ Tài chính hướng dẫn về việc bố trí kinh phí mua vắc xin và hỗ trợ chăm sóc, bảo vệ rừng trong Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016- 2020 như sau:

1. Về bố trí kinh phí mua vắc xin tiêm phòng cho vật nuôi

a) Đối với các huyện nghèo thuộc Chương trình 30a¹

Giai đoạn 2018- 2020, căn cứ dự toán chi CTMTQG Giảm nghèo bền vững được giao hàng năm của địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ưu tiên bố trí kinh phí mua vắc xin và tổ chức tiêm phòng cho gia súc, gia cầm trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình 30a, cụ thể như sau:

- Hộ nông dân trực tiếp chăn nuôi trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình 30a được hỗ trợ 100% tiền vắc xin và chi phí bảo quản vắc xin để tiêm phòng đối với các bệnh nguy hiểm: Lở mồm long móng, nhiệt thán, tụ huyết trùng trâu bò, dịch tả, dịch tai xanh ở lợn, cúm gia cầm. Hàng năm, các địa phương thống kê số lượng vật nuôi và nhu cầu vắc xin tiêm phòng tại các huyện nghèo thuộc Chương trình 30a để gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, gửi Bộ Tài chính, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội.

Năm 2018, chi tiết số lượng liều vắc xin theo từng loại bệnh và theo từng tỉnh đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống kê, tổng hợp tại Phụ lục kèm theo công văn số 403/BNN-TY ngày 16/01/2018 (gửi kèm).

¹ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/02/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo (gọi tắt là Chương trình 30a)

- Việc tiêm phòng được thực hiện đồng loạt, cùng thời điểm cho toàn bộ gia súc, gia cầm chăn nuôi tại địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình 30a, không bị giới hạn ở gia súc, gia cầm tham gia dự án phát triển sản xuất. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quán triệt, chỉ đạo các Sở, ngành chuyên môn tổ chức mua vắc xin và tiêm phòng theo nguyên tắc trên; tuân thủ các quy định hiện hành về chuyên môn và quản lý tài chính.

b) Đối với địa phương thuộc vùng khống chế trong Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh Lở mồm long móng (LMLM) giai đoạn 2016- 2020 (đã loại trừ các huyện nghèo thuộc Chương trình 30a)

Năm 2018, căn cứ đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại công văn số 8922/BNN-TY ngày 23/10/2017 về tổng hợp nhu cầu vắc xin LMLM vùng khống chế năm 2018, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, rà soát để trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ bổ sung có mục tiêu từ nguồn ngân sách Trung ương cho các địa phương thuộc vùng khống chế về kinh phí mua vắc xin tiêm phòng theo quy định tại Quyết định số 476/QĐ-BNN-TY ngày 17/02/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt “Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh Lở mồm long móng giai đoạn 2016-2020”.

Hàng năm, các địa phương thống kê số lượng gia súc và nhu cầu vắc xin LMLM trong vùng khống chế, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp gửi Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

2. Về bố trí kinh phí chăm sóc, khoanh nuôi, bảo vệ rừng

Giai đoạn 2018- 2020, kinh phí chăm sóc, khoanh nuôi, bảo vệ rừng tại các huyện nghèo thuộc Chương trình 30a được bố trí trong CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016- 2020 đã được phê duyệt theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí chăm sóc, khoanh nuôi, bảo vệ rừng tại địa bàn ngoài Chương trình 30a được bố trí trong Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016- 2020 đã được phê duyệt theo Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Về lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện CTMTQG Giảm nghèo bền vững

Việc lập dự toán, phân bổ dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện CTMTQG Giảm nghèo bền vững căn cứ quy định tại Điều 3 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).


Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kịp thời phản ánh về Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền và quy định hiện hành.

Bộ Tài chính thông báo đề Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương biết và tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, LĐTBXH, NN và PTNT;
- Vụ NSNN;
- Lưu: VT, HCSN (90b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Trần Xuân Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 296/SY-UBND

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 14 tháng 3 năm 2018

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài chính;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- LĐVP, K10, K20;
- Lưu: VT (10b).

TL. CHỦ TỊCH
KT. QUẢN LÝ VĂN PHÒNG
PHÓ CHỦ TỊCH VĂN PHÒNG



Nguyễn Đức Thi



Ký bởi: Bộ Tài chính
Địa chỉ: 28 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Thời gian ký: 18.01.2018 10:35

**BỘ NÔNG NGHIỆP
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *403* / BNN-TY

V/v bố trí kinh phí vắc xin thực hiện
Chương trình 30a năm 2018

Hà Nội, ngày *16* tháng *01* năm *2018*

BỘ TÀI CHÍNH	
NGÀY ĐẾN: 18 - 01 - 2018	0007088
SỐ CV ĐẾN:	

Kính gửi: - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính. ✓

Thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 63 huyện nghèo (sau đây gọi chung là Chương trình 30a); Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ, theo đó tại khoản 4, Điều 1 quy định: "*Hộ nông dân trực tiếp chăn nuôi được hỗ trợ 100% tiền vắc xin và chi phí bảo quản vắc xin để tiêm phòng đối với các bệnh nguy hiểm: lở mồm long móng, nhiệt thán, tụ huyết trùng trâu bò, dịch tả lợn, tai xanh và cúm gia cầm*"; đồng thời để giúp các địa phương thuộc Chương trình 30a sớm có vắc xin tiêm phòng năm 2018, bảo đảm an toàn dịch bệnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Thú y) đã phối hợp với các địa phương thuộc Chương trình 30a thống kê số lượng gia súc, gia cầm và nhu cầu vắc xin tiêm phòng năm 2018; cụ thể như sau:

1. Tổng hợp nhu cầu 07 loại vắc xin để tiêm phòng tại các huyện 30a năm 2018 là 7.687.477 liều, bao gồm:

- Vắc xin nhiệt thán: 193.835 liều;
- Vắc xin tụ huyết trùng trâu bò: 1.897.342 liều;
- Vắc xin dịch tả lợn: 1.640.740 liều;
- Vắc xin lở mồm long móng tip O: 411.890 liều;
- Vắc xin lở mồm long móng tip O, A: 1.624.242 liều;
- Vắc xin cúm gia cầm 1.822.362 liều;
- Vắc xin tai xanh lợn 97.066 liều.

(Chi tiết nhu cầu vắc xin của từng tỉnh theo Phụ lục gửi kèm)

2. Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 (tại điểm a) khoản 6 Điều 1 quy định nội dung hỗ trợ về thú y và nguồn kinh phí thực hiện Chương trình 30a thuộc Tiểu dự án 3); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính xem xét, hướng dẫn, bố trí kinh phí cho địa phương thuộc Chương trình 30a để mua 7.687.477 liều vắc xin tiêm phòng năm 2018.

Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính quan tâm giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTg Trịnh Đình Dũng (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Tài chính;
- Các Cục: TY, KTHT&PTNT;
- Lưu VT, TY.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Vu Văn Tám

Vũ Văn Tám

Bảng tổng hợp đăng ký số lượng vắc xin Chương trình 30a năm 2018
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 403 / BNN-TY ngày 16/01/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



TT	Tên tỉnh	Tên huyện	Vắc xin nhiệt thán (liều)	Vắc xin THT trâu bò (liều)	Vắc xin dịch tả lợn (liều)	Vắc xin LMLM tip O (liều)	Vắc xin LMLM tip O&A (liều)	Vắc xin cúm gia cầm (liều)	Vắc xin tai xanh lợn (liều)	Ghi chú
1	Bắc Giang	Sơn Động		7.000	20.000	7.000		100.000	7.000	
2	Bắc Kạn	Pác Nặm		22.000	18.000	13.000	9.000			
3		Ba Bể		15.000	12.000	11.000	9.000			
4	Điện Biên	Mường Nhé		13.240	13.400	14.240				
5		Nậm Pồ	2.435	12.415	8.335	12.260				
6		Mường Ảng	4.500	22.240	57.700	22.240			8.000	
7		Điện Biên Đông	870	48.200	40.400	48.200			16.000	
8		Tủa Chùa	4.500	22.400	63.200		22.400			
9	Sơn La	Quỳnh Nhai		58.000	28.000		58.000			
10		Sốp Cộp		46.764	12.000		46.764			
11		Bắc Yên		79.140	29.100		79.140			
12		Mường La		67.900	24.000		67.900			
13		Phù Yên		80.332	23.346		80.332			
14	Lào Cai	Mường Khương		26.000	22.500	26.000		30.000	1.000	
15		Bắc Hà		28.000	25.000	28.000		20.000	4.000	
16		Sì Ma Cai		30.000	15.500	30.000			2.500	
17	Lai Châu	Phong Thổ	2.000	23.000	20.000	23.000				
18		Mường Tè		22.000	15.500	22.000				
19		Sìn Hồ	750	44.850	35.300	44.850				
20		Nậm Nhùn	500	13.800	12.200	13.800				
21		Tân Uyên		34.000	33.000	34.000				
22		Thân Uyên	7.500	35.000	35.600		35.000			
23	Phú Thọ	Tân Sơn		30.000	30.000	30.000				
24	Yên Bái	Mù Cang Chải		28.000	31.000	14.000				
25		Trạm Tấu		16.500	16.000		8.750			
26	Cao Bằng	Bảo Lạc	2.500	28.000	18.000		25.000			

TT	Tên tỉnh	Tên huyện	Vắc xin nhiệt thán (liều)	Vắc xin THT trâu bò (liều)	Vắc xin dịch tả lợn (liều)	Vắc xin LMLM típ O (liều)	Vắc xin LMLM típ O&A (liều)	Vắc xin cúm gia cầm (liều)	Vắc xin tai xanh lợn (liều)	Ghi chú
27		Bảo Lâm	3.000	30.000	15.000		28.000			
28		Hạ Lang		18.000	16.000		17.000			
29		Hà Quảng	2.000	18.000	20.000		18.000			
30		Thông Nông	1.000	15.000	10.000		15.000			
31	Hà Giang	Đông Văn	22.400	44.800	47.000		44.800			
32		Mèo Vạc	30.000	60.000	43.000		60.000			
33		Yên Minh	30.000	64.000	80.000		64.000			
34		Quản Bạ	21.380	42.760	70.000		42.760			
35		Hoàng Su Phi	28.800	57.600	80.000		57.600			
36		Xín Mần	29.700	59.400	120.000		59.400			
37	Thanh Hóa	Mường Lát		37.356	19.117		37.356	137.850	3.796	
38		Quan Sơn		17.000	14.600		17.000	50.000	7.000	
39		Quan Hóa		30.000	24.000		30.000	80.000	2.000	
40		Như Xuân		21.600	17.800		21.600	280.000	0	
41		Bá Thước		36.000	30.000		36.000	300.000	6.000	
42		Thường Xuân		27.000	18.000		30.000	100.000	5.000	
43		Lang Chánh		20.000	16.000		20.000	140.000	16.000	
44	Nghệ An	Kỳ Sơn		64.000	18.000		64.000			
45		Quê Phong		48.000	20.000		48.000	80.000		
46		Tương Dương		54.000	22.000		54.000	50.000		
47		Quỳ Châu		37.800	4.400		37.800			
48	Quảng Trị	Đắk-rông		14.000	1.000		14.000			
49	Quảng Nam	Nam Trà My		5.000	8.000	8.000	5.000	2.000		
50		Phước Sơn		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000		
51		Tây Giang		7.200	6.300	6.300	7.200			
52	Quảng Ngãi	Ba Tơ		25.000	30.000		50.000			
53		Minh Long		5.200	5.300		10.450			
54		Sơn Hà		28.500	37.000		57.000			
55		Sơn Tây		8.000	15.000		16.000			
56		Trà Bồng		8.000	14.000		16.300			

TT	Tên tỉnh	Tên huyện	Vắc xin nhiệt thán (liều)	Vắc xin THT trâu bò (liều)	Vắc xin dịch tả lợn (liều)	Vắc xin LMLM tít O (liều)	Vắc xin LMLM tít O&A (liều)	Vắc xin cúm gia cầm (liều)	Vắc xin tai xanh lợn (liều)	Ghi chú
57		Tây Trà		3.375	5.000		6.750			
58	Bình Định	An Lão		23.308	45.686		31.944	134.432	8.636	
59		Vân Canh		31.408	13.260		36.082	103.880	4.674	
60		Vĩnh Thạnh		36.754	42.996		40.214	210.200	3.460	
61	Kon Tum	Tu Mơ Rông		12.000	8.000		24.000			
62		Kon Plong		13.100	28.200		26.200			
63	Lâm Đồng									Không đăng ký
64	Ninh Thuận	Bác Ái		16.400			32.800			
65	Quảng Bình	Minh Hóa			13.000		2.700		2.000	
	Tổng số		193.835	1.897.342	1.640.740	411.890	1.624.242	1.822.362	97.066	